

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 06 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp; định mức chi phục vụ hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh về việc cho ý kiến Tờ trình của UBND tỉnh thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh;

Thực hiện Công văn số 1042/HĐND-TH ngày 29 tháng 9 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc có ý kiến Tờ trình số 3567/TTr-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4321/STC-HCSN ngày 29 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp; định mức chi phục vụ hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng các văn bản liên quan của một đợt giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/đợt giám sát.
- Cấp huyện : 300.000 đồng/đợt giám sát.
- Cấp xã : 200.000 đồng/đợt giám sát.

b) Chi xây dựng các văn bản liên quan của một đợt giám sát, khảo sát của các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/đợt giám sát.
- Cấp huyện : 150.000 đồng/đợt giám sát.
- Cấp xã : 100.000 đồng/đợt giám sát.

c) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, HĐND trình ra kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 500.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, HĐND (chỉ gửi đại biểu nghiên cứu, không trình bày tại kỳ họp):

- Cấp tỉnh : 700.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 300.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 600.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 400.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 200.000 đồng/báo cáo.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Chi Đoàn giám sát, khảo sát:

a) Trưởng Đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, HĐND:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi.

b) Trưởng Đoàn giám sát, khảo sát của các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 120.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 80.000 đồng/người/buổi.

c) Thành viên Đoàn giám sát, khảo sát (kể cả chuyên viên phục vụ Đoàn giám sát, khảo sát nếu có tên trong danh sách Đoàn giám sát, khảo sát):

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 60.000 đồng/người/buổi.

d) Công chức phục vụ:

- Cấp tỉnh : 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 60.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 40.000 đồng/người/buổi.

đ) Chi mời chuyên gia tham gia hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND:

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nội dung chi và mức chi cụ thể do Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4.

4. Bãi bỏ Điều 5.

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Chi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp viết báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri cho mỗi kỳ tiếp xúc cử tri trước hoặc sau kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 300.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 200.000 đồng/báo cáo.”

6. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Chi sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/người/năm.
- Cấp huyện : 700.000 đồng/người/năm.”

7. Bổ sung khoản 5 Điều 6 như sau:

“5. Chi cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức và chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND các cấp:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/người/buổi
- Cấp huyện : 150.000 đồng/người/buổi
- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi

8. Bổ sung khoản 6 Điều 6 như sau:

“6. Chi nước uống và trang trí tại mỗi điểm tiếp xúc cử tri (cấp nào tổ chức, cấp đó chi):

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/điểm.
- Cấp huyện : 700.000 đồng/điểm.
- Cấp xã : 500.000 đồng/điểm.”

9. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chi kỳ họp.

a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 300.000 đồng/ngày/người.
- Cấp huyện : 250.000 đồng/ngày/người.
- Cấp xã : 200.000 đồng/ngày/người.

b) Đại biểu dự họp:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/ngày/người.
- Cấp huyện : 150.000 đồng/ngày/người.
- Cấp xã : 120.000 đồng/ngày/người.

c) Công chức phục vụ:

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/ngày/người.
- Cấp huyện : 70.000 đồng/ngày/người.
- Cấp xã : 50.000 đồng/ngày/người.

d) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết cá biệt, báo cáo chuyên đề, đề án, Tờ trình của Ban HĐND, Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/văn bản.
- Cấp huyện : 300.000 đồng/văn bản.
- Cấp xã : 200.000 đồng/văn bản.”

10. Sửa đổi khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Chi tiền nước uống:

- Cấp tỉnh : 20.000 đồng/buổi/người.
- Cấp huyện : 20.000 đồng/buổi/người.
- Cấp xã : 20.000 đồng/buổi/người.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Chi các cuộc họp do các Ban HĐND chủ trì:

a) Người chủ trì cuộc họp:

- Cấp tỉnh : 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 80.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên tham dự cuộc họp:

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 60.000 đồng/người/buổi.

c) Công chức phục vụ:

- Cấp tỉnh : 80.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện : 60.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã : 40.000 đồng/người/buổi.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 như sau:

“5. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình:

a) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả tiếp thu, giải trình các dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 300.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng kết luận chất vấn của Thường trực HĐND tỉnh tại kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/kết luận.
- Cấp huyện : 500.000 đồng/kết luận.
- Cấp xã : 300.000 đồng/kết luận.

c) Kết luận tại phiên chất vấn và giải trình của Thường trực HĐND giữa 02 kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/kết luận.
- Cấp huyện : 300.000 đồng/kết luận.
- Cấp xã : 200.000 đồng/kết luận.”

d) Báo cáo, ý kiến tham luận của chuyên gia và nhà khoa học được mời tham gia phiên giải trình của Thường trực HĐND giữa 02 kỳ họp:

Chi theo quy định hiện hành của nhà nước.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 7 như sau:

“6. Chi viết báo cáo tổng hợp chất vấn của đại biểu tại kỳ họp HĐND, viết báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND:

a) Chi viết các báo cáo tổng hợp chất vấn của đại biểu tại kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 250.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 150.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 100.000 đồng/báo cáo.

b) Chi viết báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/văn bản.
- Cấp huyện : 700.000 đồng/văn bản.
- Cấp xã : 400.000 đồng/văn bản.”

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 như sau:

“7. Viết báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến cử tri tiếp xúc trước và sau kỳ họp HĐND, biên bản kỳ họp:

a) Chi viết báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến cử tri tiếp xúc trước và sau kỳ họp HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện : 700.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã : 400.000 đồng/báo cáo.

b) Chi viết biên bản kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/biên bản.
- Cấp huyện : 700.000 đồng/biên bản.
- Cấp xã : 400.000 đồng/biên bản.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 7 như sau:

“8. Viết thông báo kết quả kỳ họp, báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp:

a) Chi viết thông báo kết quả kỳ họp.

- Cấp tỉnh : 400.000 đồng/thông báo.

- Cấp huyện : 300.000 đồng/thông báo.

- Cấp xã : 200.000 đồng/thông báo.

b) Chi viết báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện : 300.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã : 200.000 đồng/báo cáo.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 7 như sau:

“9. Chi các cuộc họp do Thường trực HĐND chủ trì:

a) Người chủ trì cuộc họp:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên tham dự:

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 60.000 đồng/người/buổi.

c) Công chức phục vụ:

- Cấp tỉnh : 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 60.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 40.000 đồng/người/buổi.”

17. Bãi bỏ khoản 10 Điều 7.

18. Sửa đổi khoản 11 Điều 7 như sau:

“11. Chi xây dựng các văn bản phục vụ cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý của Thường trực HĐND và các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/văn bản.

- Cấp huyện : 150.000 đồng/văn bản.

- Cấp xã : 100.000 đồng/văn bản.”

19. Bãi bỏ khoản 12 Điều 7.

20. Thay đổi cụm từ “văn bản Nghị quyết HĐND” thành cụm từ “Nghị quyết cá biệt của HĐND” tại khoản 13 Điều 7.

21. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 14 Điều 7 như sau:

“b) Báo cáo sơ kết, tổng kết từ một năm trở lên của các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.200.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện : 700.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã : 500.000 đồng/báo cáo.”

22. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 14 Điều 7 như sau:

“d) Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của các Ban HĐND:

- Cấp tỉnh : 3.000.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện : 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã : 1.000.000 đồng/báo cáo.”

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Trưởng Ban HĐND (kiêm nhiệm):

- Cấp tỉnh : hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp huyện : hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp xã : hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/tháng.”

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Phó Trưởng Ban HĐND (kiêm nhiệm):

- Cấp tỉnh : hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp huyện : hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp xã : hệ số 0,1 so với mức lương cơ sở/tháng.”

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Tổ Trưởng Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : hệ số 0,3 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp huyện : hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/tháng.

26. Bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở/tháng.

- Cấp huyện : hệ số 0,1 so với mức lương cơ sở/tháng.

Đại biểu HĐND hoạt động ở nhiều cấp thì chỉ nhận chế độ, chính sách ở mức cao nhất theo quy định tại Điều này”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Chế độ khám sức khỏe, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với đại biểu HĐND

1. Chế độ khám sức khỏe đối với đại biểu HĐND các cấp:

- Đại biểu HĐND các cấp thuộc đối tượng khám sức khỏe thì thực hiện theo quy định của tỉnh (hiện nay là Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh).

- Đại biểu HĐND còn lại được thanh toán khám sức khỏe 02 lần/nhiệm kỳ theo thực tế, nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/lần. Chứng từ thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Chi thăm hỏi ốm đau, nằm viện đối với các đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND chuyên trách: tối đa 500.000 đồng/lần (không quá 02 lần/năm).

3. Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo: được trợ cấp một lần, tối đa 2.000.000 đồng/người.

4. Viếng tang đối với đại biểu, nguyên đại biểu HĐND: tối đa không quá 1.000.000 đồng/người.

5. Viếng tang cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của đại biểu HĐND: tối đa 1.000.000 đồng/người.”

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Một số chế độ khác

1. Trong một nhiệm kỳ HĐND, mỗi đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ trang phục với mức chi:

- Cấp tỉnh : 2.500.000 đồng/bộ.

- Cấp huyện : 2.000.000 đồng/bộ.

- Cấp xã : 1.500.000 đồng/bộ.

Đại biểu HĐND tham gia nhiều cấp thì chỉ hưởng mức chi trang phục ở mức cao nhất.

2. Trong một nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức Văn phòng HĐND tỉnh và cán bộ, công chức Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện, cấp xã phục vụ trực tiếp HĐND được cấp tiền may 01 bộ trang phục với mức chi:

- Cấp tỉnh : 2.500.000 đồng/bộ.
- Cấp huyện : 2.000.000 đồng/bộ.
- Cấp xã : 1.500.000 đồng/bộ.

3. Mức chi hỗ trợ báo chí được cấp theo mức khoán hàng tháng cho đại biểu HĐND các cấp:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/tháng.
- Cấp huyện : 200.000 đồng/tháng.
- Cấp xã : 200.000 đồng/tháng.

Đại biểu HĐND tham gia nhiều cấp thì chỉ hưởng mức chi báo chí ở mức cao nhất”.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Chi hội nghị tập huấn

1. Chủ trì hội nghị : 200.000 đồng/người/buổi.
2. Đại biểu tham dự : 100.000 đồng/người/buổi.
3. Nước uống, giải khát giữa giờ : 20.000 đồng/người/buổi.

4. Giảng viên tập huấn:

a) Trung ương: theo hợp đồng với chuyên gia

b) Địa phương : 400.000 đồng/người/buổi.

c) Chi tiền vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ cho giảng viên Trung ương và địa phương, đại biểu, chế độ công tác phí cho đại biểu được mời tham dự tập huấn thực hiện theo quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước.

d) Chi nhân viên phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

e) Chi biên soạn tài liệu tập huấn: từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tài liệu (tùy theo nội dung tài liệu).”

30. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Chi lấy ý kiến cử tri theo chuyên đề, họp ban chỉ đạo, họp lấy ý kiến các chuyên gia các ngành có liên quan đến nội dung tham vấn ý kiến nhân dân, họp tổng kết tham vấn

1. Chủ trì hội nghị : 200.000 đồng/người/buổi.

2. Đại biểu tham dự : 100.000 đồng/người/buổi.

3. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tổ chức tham vấn (huyện, xã) nhằm trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, bảo vệ, nước uống và các chi phí khác: từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/địa điểm (tùy theo từng địa điểm).

4. Chi biên soạn tài liệu, viết báo cáo tổng hợp ý kiến: 300.000 đồng/báo cáo.

5. Chi báo cáo tham luận : 300.000 đồng/báo cáo.

6. Chi nhân viên phục vụ : 50.000 đồng/người/buổi.

7. Tiền nước uống, giải khát giữa giờ : 20.000 đồng/người/buổi.

8. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu lấy ý kiến (điều tra xã hội học): 30.000 đồng/phiếu.

9. Chi xử lý tổng hợp phiếu lấy ý kiến (điều tra xã hội học): 10.000 đồng/phiếu.

10. Chi cho các hướng dẫn viên giúp người dân (là đồng bào dân tộc thiểu số không có khả năng tự điền phiếu ý kiến của mình vào phiếu lấy ý kiến) hiểu và cho ý kiến vào phiếu lấy ý kiến: 10.000 đồng/phiếu điều tra.”

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Chi tổ chức đoàn khảo sát thực tế tại các điểm được chọn tham vấn

1. Chi cho đại biểu được mời dự họp cuộc khảo sát: 100.000 đồng/người/buổi (ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành).

2. Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tổ chức khảo sát (huyện, xã) nhằm trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, bảo vệ, nước uống và các khoản chi phí khác: từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/địa điểm (tùy từng địa điểm).

3. Chi nước uống, giải khát giữa giờ : 20.000 đồng/người/buổi.

4. Chi viết báo cáo tổng hợp khảo sát : 300.000 đồng/báo cáo.

5. Chi cho thành viên tham dự cuộc khảo sát:

- Trưởng đoàn : 200.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên chính thức của Đoàn : 100.000 đồng/người/buổi.

- Nhân viên phục vụ : 50.000 đồng/người/buổi.”

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Chi hội nghị lấy ý kiến các bên có liên quan đến hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân

- | | |
|----------------------------------|----------------------------|
| 1. Chủ trì hội nghị | : 200.000 đồng/người/buổi. |
| 2. Đại biểu tham dự | : 100.000 đồng/người/buổi. |
| 3. Viết báo cáo tổng hợp ý kiến | : 300.000 đồng/báo cáo. |
| 4. Báo cáo tham luận | : 300.000 đồng/báo cáo. |
| 5. Chi nhân viên phục vụ | : 50.000 đồng/người/buổi. |
| 6. Nước uống, giải khát giữa giờ | : 20.000 đồng/người/buổi.” |

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19.

1. Các khoản chi trực tiếp công tác tham vấn ý kiến nhân dân như văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, thuê hội trường, trang trí, làm ngoài giờ, chi khác theo thực tế phát sinh thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước từ nguồn kinh phí Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri theo chuyên đề của các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh về các nội dung Nghị quyết HĐND tỉnh sắp ban hành hoặc đã ban hành được chọn để tổ chức tham vấn ý kiến nhân dân theo Kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ hoặc chương trình hoạt động giám sát của HĐND tỉnh trong năm từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh thực hiện các nội dung công việc chi theo các Điều 11 đến Điều 18 Quy định này.

3. Đối với hoạt động tiếp xúc cử tri theo chuyên đề khác của các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh thực hiện các nội dung công việc chi theo Điều 6 Quy định này.”

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2017.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số định mức chi phục vụ hoạt động của HĐND các cấp; định mức chi phục vụ hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND tỉnh, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND

các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, TH. vj

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai